

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/7 /2022

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Bá Long

2, Ông Phạm Văn Thường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Ly hôn” thụ lý số 152/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX- ST ngày 11/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Tam B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng chưa có con chung, anh B không quan tâm động viên mà còn có lối sống không chung thủy với người phụ nữ khác, chị H khuyên can anh B không nghe mà còn đánh đập chửi mắng chị nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh B vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng

đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm hỏi han đến ai. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị H trình bày, vợ chồng chưa con chung, không ai có con riêng, không yêu cầu giải quyết

Về tài sản và nợ: Chị H trình bày không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Tam B quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nhưng tại phiên tòa hôm nay có mặt và trình bày.

Về hôn nhân cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh thống nhất như chị H trình bày, nay chị H xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng ly thân đã lâu, không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con cái và tài sản: Anh thống nhất như ý kiến chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không hợp tác làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh B.

Về con cái tài sản không yêu cầu giải quyết nên không xem xét:

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết ly hôn với và anh Lê Tam B, các đương sự đều đang cư trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Tam B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có con chung nên hay có lời lẽ thiếu tế nhị với nhau, anh B chán nản nên không quan tâm tới vợ, gia đình, chị H động viên góp ý anh B không nghe mà còn có lời lẽ chửi mắng đánh đập chị H, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình, khuyên giải nhiều lần nhưng anh B vẫn cứng đầu bất chấp, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Tại phiên tòa anh B thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng, nay chị H xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm không còn tình cảm, không có con cái nên không có gì ràng buộc, anh đồng ý ly hôn với chị H,

Ngày 28/6/2022 Tòa án phối hợp với địa phương để xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh B có mặt tại địa phương nhưng không tham gia, điều này thể hiện việc anh B bỏ mặc tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa chị H vẫn thiết tha xin ly hôn, anh B cũng thống nhất, thuận tình ly hôn, như vậy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc vợ chồng thuận tình ly hôn là có căn cứ phù hợp tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án. Hội đồng xét chấp nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng.

[3] Về con cái, tài sản: Tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Tam B.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6573 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Dân;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Đình Hợp